TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **315**/2023/KDTM-PT
Ngày: 17/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 121/2022/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án sơ thẩm số 3440/2022/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 272/2023/QĐXX-PT ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1776/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D; Địa chỉ: 99 T, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:

Bà Đỗ Thị Bích P và bà Nguyễn Thị Tr là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 0503/2023/GUQL ngày 15/3/2023); Địa chỉ liên hệ: 17A C, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty TNHH dầu khí T; Địa chỉ: 408/3 X, phường M, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Vỏ Mạnh C là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022); Địa chỉ liên hệ: 153 T, Phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Phùng Anh C – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV C; Địa chỉ: 153 T, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Công ty TNHH dầu khí T

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D (gọi tắt là Công ty D) có đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị Bích P trình bày:

Vào ngày 01/8/2019 Công ty D ký kết hợp đồng thương nhân mua bán dầu khí số 02LT/HĐKT/XNK-TBD2019 với Công ty TNHH dầu khí T (gọi tắt là Công ty T). Theo nội dung hợp đồng Công ty D đồng ý bán dầu khí hóa lỏng (LPG) cho Công ty T; Về số lượng hàng hóa giao nhận: tùy thuộc vào nhu cầu phát triển của Công ty T; Phương thức giao nhận: giao hàng tại nhà máy của Công ty D trên phương tiện vận chuyển của Công ty T; Thời hạn thanh toán: bên mua thanh toán ngay cho bên bán sau khi nhận hàng (trừ ngày lễ, tết, thứ 7, chủ nhật thì khi làm việc lại theo lịch ngân hàng thì phải thanh toán ngay). Ngoài ra Công ty D còn cung cấp thêm dịch vụ cho thuê xe đối với Công ty T.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty D thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tại hợp đồng. Tuy nhiên Công ty T không thanh toán theo đúng thỏa thuận, tính đến ngày 28/02/2021 Công ty T còn nợ 20.032.209.358 đồng là tiền mua LPG và 38.500.000 đồng là tiền dịch vụ cho thuê xe.

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 Công ty D yêu cầu bị đơn Công ty T thanh toán tiền mua LPG 20.032.209.358 đồng, tiền lãi kể từ thời điểm Công ty TNHH dầu khí T chậm thanh toán tính đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất 15%/năm, số tiền tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 1.494.526.190 đồng và 38.500.000 đồng là tiền thuê xe chưa thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của Công ty D yêu cầu Công ty T thanh toán nợ gốc 19.795.957.807 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán tính trên khoản nợ gốc với lãi suất 14,9%/năm tính từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán của từng khoản nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

Tính đến ngày 31/8/2020 Công ty T còn nợ 5.238.177.031 đồng, tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 30/9/2020: 5.238.177.031 đồng x 30 ngày x 14,9%/365 ngày = 64.149.730 đồng

Tính đến ngày 30/9/2020 còn nợ 6.395.823.339 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/10/2020: 6.395.823.339 đồng x 31 ngày x 14,9 %/365 ngày = 80.937.830 đồng

Tính đến ngày 31/10/2020 còn nợ 9.494.823.031 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2020: 9.494.823.031 đồng x 30 ngày x 14,9%/365 ngày =116.279.066 đồng

Tính đến ngày 30/11/2020 còn nợ 11.567.023.055 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020: 11.567.023.055 đồng x 31 ngày x 14,9%/365 ngày =146.378.300 đồng

Tính đến ngày 31/12/2020 còn nợ 13.202.384.692 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2021: 13.202.384.692 đồng x 31 ngày x 14,9%/365 ngày = 167.073.465 đồng

Tính đến ngày 31/01/2021 còn nợ 18.961.425.854 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày 28/02/2021: 18.961.425.854 đồng x 28 ngày x 14,9%/365 ngày =216.731.695 đồng

Tính đến ngày 28/02/2021 còn nợ 20.070.709.358 đồng và tính đến ngày 31/5/2021 còn nợ 19.795.957.807 đồng nhưng nguyên đơn tự nguyện tính lãi từ ngày 01/3/2021 trên số nợ gốc 19.795.957.807 đồng: 19.795.957.807 đồng x 555 ngày (từ 01/3/2021 - 07/9/2022) x 14,9%/365 ngày = 4.485.004.742 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 5.276.554.828 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho đến khi Công ty T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Trong giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vỏ Mạnh C trình bày:

Xác nhận Công ty T có ký hợp đồng mua khí hóa lỏng của Công ty D như nguyên đơn đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T còn nợ tiền mua hàng như đại diện nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên Công ty T đang cố gắng thực hiện phương án trả nợ thì ngày 12/4/2021 Công ty T khởi kiện và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đã làm thiệt hại đến hoạt động kinh doanh của Công ty T và do dịch Covid cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu Công ty D bồi thường thiệt hại cho Công ty T số tiền 32.881.048.105 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của bị đơn xác nhận Công ty T còn nợ Công ty D tổng cộng 19.795.957.807 đồng (trong đó số tiền mua LPG còn thiếu 19.693.857.807 đồng, tiền thuê xe 38.500.000 đồng, tiền ký quỹ vỏ bình 63.600.000 đồng) nhưng do khó khăn về tài chính nên không đồng ý yêu cầu trả gốc một lần và không đồng ý yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Xét Hợp đồng số 02LT/HĐKT/XNK-TBD2019 ngày 01/8/2019 không thỏa thuận lãi, vì vậy nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 14,9%/năm là không phù hợp, để

đảm bảo quyền lợi của bị đơn, trường hợp phải tính lãi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 9%/năm.

Tại Bản án sơ thẩm số 3440/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH dầu khí T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D số tiền 25.072.512.630 đồng (hai mươi lăm tỷ không trăm bảy mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn sáu trăm ba mươi đồng) bao gồm nợ gốc 19.795.957.807 đồng (mười chín tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm lẻ bảy đồng) và tiền lãi 5.276.554.823 đồng (năm tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm hai ba đồng) theo hợp đồng thương nhân mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng số 02LT/HĐKT/XNK-TBD2019 ngày 01 tháng 8 năm 2019, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: yêu cầu Công ty D bồi thường thiệt hại số tiền 32.881.048.105 đồng.

3. Duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi Công ty TNHH dầu khí T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền phải thi hành án theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D được nhận lại số tiền tiền bảo đảm: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đã nộp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 07/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên ngày 19/9/2022 Công ty TNHH dầu khí T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm bản án sơ thẩm đã tuyên chưa phù hợp thực tế và chưa phù hợp với quy định pháp luật gây thiệt hại cho Công ty TNHH dầu khí T. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Đại diện người kháng cáo Công ty TNHH dầu khí T là bị đơn trình bày những nội dung kháng cáo như sau: Bị đơn kháng cáo đối với phần nội dung mà bản án sơ thẩm để tuyên về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi với lý do:

+ Về nợ gốc: bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng cộng 19.795.957.807 đồng (trong đó số tiền mua LPG còn thiếu 19.693.857.807 đồng, tiền thuê xe 38.500.000 đồng, tiền ký quỹ vỏ bình 63.600.000 đồng) nhưng do khó khăn về tài chính nên không đồng ý yêu cầu trả gốc một lần.

+ Về lãi chậm trả:

Trong hợp đồng các bên không có quy định bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán.

Các biên bản công nợ hàng tháng thể hiện bị đơn thanh toán cho nguyên đơn theo phương thức gối đầu tháng sau trả tiền cho tháng trước, cuốn chiếu cho đến kỳ sau cùng theo "biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 31/5/2021" số tiền là 19.795.957.807 đồng, như vậy nguyên đơn vẫn yêu cầu tính lãi trên số tiền mà bị đơn đã thanh toán là không đúng.

Mức lãi suất 14,9%/năm mà cấp sơ thẩm chấp nhận là không phù hợp với mức lãi suất hiện tại trên thị trường.

Từ những nội dung kháng cáo trên Công ty TNHH dầu khí T đề nghị cấp phúc thẩm sửa án chấp yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Phía người đại diện Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D *là nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định. Nội dung kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên đề nghị bác toàn bộ kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty TNHH dầu khí T còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Bị đơn kháng cáo đối với phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 25.072.512.630 đồng gồm nợ gốc là 19.795.957.807 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 5.276.554.823 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về nghĩa vụ thanh toán đối với khoản tiền nợ gốc:

[5] Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn đã xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng cộng 19.795.957.807 đồng (trong đó số tiền mua LPG còn thiếu 19.693.857.807 đồng, tiền thuê xe 38.500.000 đồng, tiền ký quỹ vỏ bình 63.600.000 đồng) nhưng do khó khăn về tài chính nên không đồng ý yêu cầu trả gốc một lần của nguyên đơn.

[6] Theo quy định tại khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng về hình thức thanh toán như sau: "*Bên B (T) thanh toán ngay cho bên A (D) sau khi nhận hàng (trừ ngày lễ, tết, thứ 7, chủ nhật thì khi làm việc lại theo lịch ngân hàng thì phải thanh toán ngay"*. Như vậy, căn cứ quy định này thì nghĩa vụ thanh toán của bị đơn phát sinh kể từ ngày kế tiếp của ngày mua hàng, bị đơn không thực hiện thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc bị đơn nêu lý do đang gặp khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán ngay một lần, đồng thời đề nghị được trả làm nhiều lần là không được nguyên đơn đồng ý, cũng như không phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã không chấp nhận đề nghị này của bị đơn là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không nêu được lý do phù hợp nên kháng cáo của bị đơn về nội dung này không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn về nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả trên nợ gốc:

[8] Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày lý do không đồng ý trả lãi do Hợp đồng không thỏa thuận lãi; không đồng ý việc nguyên đơn tách ra từng khoản nợ theo bản đối chiếu công nợ hàng tháng để tính lãi chậm trả vì trên thực tế bị đơn đã thanh toán theo hình thức gối đầu tháng sau trả cho tháng trước nên bị đơn không phát sinh lãi trên số tiền đã thanh toán; nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 14,9%/năm là không phù hợp; trường hợp phải tính lãi đề nghị áp dụng mức lãi suất 9%/năm.

[9] Căn cứ Điều 306 Luật thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và*

các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Như vậy, lý do vì hợp đồng không quy định nên không đồng ý trả tiền lãi do chậm thanh toán mà phía bị đơn nêu ra là không phù hợp với quy định của Luật nên không được chấp nhận.

[10] Do các bên không có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất chậm thanh toán nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm của 03 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9 và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định để chấp nhận mức lãi suất 14,9%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn là có lợi hơn cho bị đơn (so với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng là 16,2%/năm) là đúng quy định của Điều 306 Luật Thương mại và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao ban hành. Bị đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 9%/năm là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[10] Về cách thức tính lãi chậm trả: Nguyên đơn trình bày cách tính lãi là căn cứ vào số tiền và thời điểm xác nhận công nợ hàng tháng của bị đơn để yêu cầu bị đơn phải trả lãi trong khoảng thời gian giữa các lần xác nhận công nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể là:

Theo công nợ tính đến ngày 31/8/2020 bị đơn còn nợ 5.238.177.031 đồng, thì tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 30/9/2020 là: 5.238.177.031 đồng x 30 ngày x 14,9%/365 ngày = 64.149.730 đồng;

Theo công nợ tính đến ngày 30/9/2020 bị đơn còn nợ 6.395.823.339 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/10/2020 là: 6.395.823.339 đồng x 31 ngày x 14,9 %/365 ngày = 80.937.830 đồng;

Theo công nợ tính đến ngày 31/10/2020 bị đơn còn nợ 9.494.823.031 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2020 là: 9.494.823.031 đồng x 30 ngày x 14,9%/365 ngày =116.279.066 đồng;

Theo công nợ tính đến ngày 30/11/2020 bị đơn còn nợ 11.567.023.055 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020 là: 11.567.023.055 đồng x 31 ngày x 14,9%/365 ngày =146.378.300 đồng

Theo công nợ tính đến ngày 31/12/2020 bị đơn còn nợ 13.202.384.692 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2021 là: 13.202.384.692 đồng x 31 ngày x 14,9%/365 ngày = 167.073.465 đồng

Theo công nợ tính đến ngày 31/01/2021 bị đơn còn nợ 18.961.425.854 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày 28/02/2021 là: 18.961.425.854 đồng x 28 ngày x 14,9%/365 ngày = 216.731.695 đồng

Theo công nợ tính đến ngày 31/05/2021 bị đơn còn nợ 19.795.957.807 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/03/2021 đến 07/09/2022 là: 19.795.957.807đồng x 555 ngày x 14,9%/365 ngày = 4.485.004.742 đồng;

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng tiền lãi tính đến ngày 07/9/2022 là 5.276.554.828 đồng là phù hợp với quy định tại Hợp đồng (như nhận định tại đoạn [6]) và quy định của Điều 306 Luật Thương mại.

[11] Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nghĩa vụ trả gốc và lãi cho nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận, những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[12] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13] Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH dầu khí T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH dầu khí T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D số tiền 25.072.512.630 đồng (hai mươi lăm tỷ không trăm bảy mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn sáu trăm ba mươi đồng) bao gồm nợ gốc 19.795.957.807 đồng (mười chín tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm lẻ bảy đồng) và tiền lãi 5.276.554.823 đồng (năm tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm hai ba đồng) theo hợp đồng thương nhân mua bán khí dầu

mỏ hóa lỏng số 02LT/HĐKT/XNK-TBD2019 ngày 01 tháng 8 năm 2019, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: yêu cầu Công ty D bồi thường thiệt hại số tiền 32.881.048.105 đồng.

3. Duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi Công ty TNHH dầu khí T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền phải thi hành án theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D được nhận lại số tiền tiền bảo đảm: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đã nộp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 07/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH dầu khí T phải nộp 133.072.513 (một trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm mười ba) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Do bị đơn Công ty TNHH dầu khí T rút yêu cầu phản tố nên Công ty TNHH dầu khí T được trả lại 62.440.000 đồng (sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0025302 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí D số tiền 64.782.618 (sáu mươi tư triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm mười tám) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047761 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH dầu khí T phải chịu là 2.000.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0028599 ngày 28/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Nhàn

2022KTPT29937
1 000111 882211
01.02.2023 11:11
Công ty Cổ phần Thương mại